

Bản án số: **44/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 22-8-2018

*V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con khi ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chiêm Ngọc Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Văn Quân.

2/ Bà Hà Ngân Kim Tới.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Qual – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kiến Thức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22/8/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2018/TLST-HNGĐ ngày 20/6/2018 về tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/7/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đinh Thị Hoàng D, sinh năm 1988 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng

2. *Bị đơn:* Ông Lý Kim C, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/5/2018 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đinh Thị Hoàng D trình bày: Vào năm 2011 bà D và ông Lý Kim C tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 149, quyển số 01 ngày 29/12/2010. Sau khi cưới vợ chồng bà D chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm, đến năm 2016 thì phát sinh vợ chồng bắt đầu xa cách, dù không có mâu thuẫn gì nhưng ông C lại thường bỏ nhà đi nhưng không rõ nguyên nhân. Bà D có cho vợ chồng khoảng thời gian để tìm ra nguyên nhân, cùng chăm lo xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng ông C không có ý định như vậy nên bà và ông C đã không còn chung sống từ tháng 9/2017 đến nay. Bà D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên yêu cầu

được ly hôn. Thời gian chung sống bà D và ông C có một con chung là: Lý Thị Kiều T, sinh ngày 01/5/2012, hiện đang chung sống với bà D. Bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi cháu T đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Lý Kim C, nhưng ông C không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà D, đồng thời ông C cũng không đến tham gia phiên hòa giải cũng như tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành pháp luật của bị đơn chưa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị Hoàng D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho ông Lý Kim C nhưng ông C vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Lý Kim C.

Bà Đinh Thị Hoàng D có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Đinh Thị Hoàng D.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Hoàng D, nhận thấy bà D và ông C tự nguyện chung sống với nhau năm 2011, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 149, quyển số 01 ngày 29/12/2010. Quan hệ hôn nhân của bà D và ông C không vi phạm các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nhưng sau một thời gian chung sống, đến năm 2016 thì vợ chồng bắt đầu xa cách, dù không có mâu thuẫn hay cãi vã gì nhưng ông C vẫn thường xuyên bỏ nhà đi không rõ nguyên nhân. Bà D cũng cho vợ chồng có khoảng thời gian để suy nghĩ lại, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông C không muốn. Hiện bà D nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, không còn tình cảm vợ chồng nên có nguyện vọng ly hôn. Bà D và ông C đã không còn chung sống từ năm 2016 đến nay. Nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Đinh Thị Hoàng D được ly hôn với ông Lý Kim C.

[3] Về con chung: Thời gian chung sống bà D và ông C có một con chung là: Lý Thị Kiều T, sinh ngày 01/5/2012, hiện đang chung sống với bà D. Bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Để đảm bảo cuộc sống của cháu T không bị xáo trộn, để cháu phát triển bình thường về tâm, sinh lý nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, chấp

nhận yêu cầu được nuôi con của bà D. Hiện bà D có việc làm, thu nhập ổn định nên việc bà D không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Bà D trình bày tài sản chung không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà D trình bày nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Án phí sơ thẩm: Bà Đinh Thị Hoàng D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 36, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị Hoàng D.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Thị Hoàng D được ly hôn với ông Lý Kim C.

- Về con chung: Giao con chung là: Lý Thị Kiều T, sinh ngày 01/5/2012 cho bà Đinh Thị Hoàng D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Ông Lý Kim C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Lý Kim C được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Ông Lý Kim C không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lý Thị Kiều T của bà Đinh Thị Hoàng D.

- Về tài sản chung: Bà Đinh Thị Hoàng D trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Bà Đinh Thị Hoàng D trình bày nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Bà Lâm Thị Hoàng D phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền ứng án phí bà D đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai số 0009632, ngày 15/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà Duẩn đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

Ông Lý Kim C không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNN&THA);
- Đương sự;
- VKSND huyện Trần Đề;
- UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Chiêm Ngọc Linh